TRƯỜNG TIỂU HỌC .....

Họ và tên: .....

Lớp: 5 .....

Điểm	Lời phê của thầy cô

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I

Môn: Toán lớp 5 · Đề số 1

Năm học 2026-2027 · Thời gian làm bài: 40 phút

A. TRẮC NGHIỆM (4 điểm) *Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.*

Câu 1. *(0,5 điểm)* Hỗn số 38 882/1000 viết dưới dạng số thập phân là:

A. 38,882 **B.** 0,92 **C.** 380,882 **D.** 38,0882

Câu 2. *(0,5 điểm)* Làm tròn số 149,807 đến hàng phần trăm ta được:

A. 149,81 **B.** 149,807 **C.** 149,8 **D.** 149,83

Câu 3. *(0,5 điểm)* Phân số 3/4 viết thành phân số thập phân là:

A. 28/100 **B.** 3/100 **C.** 75/100 **D.** 75/1000

Câu 4. *(0,5 điểm)* Một sợi dây dài 44,74 m, sợi dây thứ hai dài hơn sợi dây thứ nhất 27,9 m. Cả hai sợi dây dài:

A. 117,28 m **B.** 61,58 m **C.** 72,64 m **D.** 117,38 m

Câu 5. *(0,5 điểm)* 96,2 × 0,01 = ……

A. 0,962 **B.** 96 200 **C.** 9620 **D.** 9,62

Câu 6. *(0,5 điểm)* 97 000 m² = …… ha

A. 97 **B.** 9,7 **C.** 0,97 **D.** 970

Câu 7. *(0,5 điểm)* 7 m² 98 dm² = …… m²

A. 16,8 **B.** 798 **C.** 7,098 **D.** 7,98

Câu 8. *(0,5 điểm)* Hình thang có:

A. một cặp cạnh đối diện song song

B. hai cặp cạnh đối diện bằng nhau

C. bốn cạnh bằng nhau

D. bốn góc vuông

B. TỰ LUẬN (6 điểm)

Câu 9. *(1 điểm)* Cho các số thập phân: 26,9; 26,1; 26,15; 26,473; 26,62.

a) Số bé nhất là: ……

b) Số lớn nhất là: ……

c) Khi xếp theo thứ tự từ bé đến lớn, số đứng thứ ba là: ……

d) Tổng của số lớn nhất và số bé nhất: ……

Câu 10. *(1 điểm)* Điền dấu >, <, = vào chỗ chấm:

a) 35,04 …… 35,13

b) 6,3 …… 6,30

c) 8 tấn 500 kg …… 8,5 tấn

d) 2 ha …… 20 000 m²

Câu 11. *(1 điểm)* Tính (viết kết quả dưới dạng phân số tối giản):

a) 7/5 + 2/9 = ……

b) 2/3 − 5/9 = ……

c) 7/4 × 5/6 = ……

Câu 12. *(1 điểm)* Viết số thập phân (hoặc số) thích hợp vào chỗ chấm:

a) 6 m 3 cm = …… m

b) 1 kg 41 g = …… kg

c) 5 km² = …… ha

d) 3000 m² = …… ha

Câu 13. *(1 điểm)* Viết số thích hợp vào chỗ chấm (lấy $\pi = 3,14$):

a) Chu vi hình tròn bán kính 7 cm: …… cm

b) Diện tích hình tròn bán kính 7 cm: …… cm²

c) Chu vi hình tròn đường kính 58 dm: …… dm

Câu 14. *(1 điểm)* Ngày thứ nhất cửa hàng bán được 34,5 kg gạo, ngày thứ hai bán ít hơn ngày thứ nhất 5,1 kg, ngày thứ ba bán được 15,48 kg. Hỏi trung bình mỗi ngày cửa hàng bán được bao nhiêu ki-lô-gam gạo?

a) Ngày thứ hai bán được: …… kg

b) Cả ba ngày bán được: …… kg

c) Trung bình mỗi ngày bán được: …… kg

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Đề kiểm tra cuối học kỳ I Toán lớp 5 · Đề số 1

A. Trắc nghiệm (mỗi câu đúng 0,5 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	A	A	C	D	A	B	D	A

B. Tự luận (mỗi câu 1 điểm)

Câu 9.

Xếp từ bé đến lớn: 26,1 < 26,15 < 26,473 < 26,62 < 26,9

a) 26,1

b) 26,9

c) 26,473

d) 26,9 + 26,1 = 53

Câu 10.

a) 35,04 < 35,13

b) 6,3 = 6,30

c) 8 tấn 500 kg = 8,5 tấn

d) 2 ha = 20 000 m²

Câu 11.

a) 7/5 + 2/9 = 73/45

b) 2/3 − 5/9 = 1/9

c) 7/4 × 5/6 = 35/24

Câu 12.

a) 6,03

b) 1,041

c) 500

d) 0,3

Câu 13.

a) 7 × 2 × 3,14 = 43,96

b) 7 × 7 × 3,14 = 153,86

c) 58 × 3,14 = 182,12

Câu 14.

Ngày thứ hai: 34,5 − 5,1 = 29,4 (kg)

Cả ba ngày: 34,5 + 29,4 + 15,48 = 79,38 (kg)

Trung bình: 79,38 : 3 = 26,46 (kg)